※ 번역문은 민원 신청을 위한 참고용이며, 기존의 한글 서식에 한글로 작성하여 제출해야 함을 유의해주시기 바랍니다.
※ Lưu ý bản dịch chỉ mang tính chất tham khảo khi đăng ký các vụ việc dân sự; đơn phải được điền bằng tiếng Hàn theo mẫu tiếng Hàn hiện có.

■ 부동산 거래신고 등에 관한 법률 시행규칙 [별지 제6호서식]
<개정 2023. 10. 6.>
■ Thông tư hướng dẫn Luật Đăng ký giao dịch bất động sản[Mẫu đính kèm số 6]
<Sửa đổi 2023. 10. 6.>

부동산거래관리시스템(rtms.molit.go.kr)에서도 신청할 수 있습니다.
Có thể đăng ký thông qua Hệ thống quản lý giao dịch bất động sản (rtms.molit.go.kr).

[ ] 외국인 부동산등 취득 신고서
[ ] ĐƠN KHAI BÁO SỞ HỮU BẤT ĐỘNG SẢN CỦA NGƯỜI NƯỚC NGOÀI
[ ] 외국인 부동산등 계속보유 신고
[ ] ĐƠN KHAI BÁO TIẾP TỤC SỞ HỮU BẤT ĐỘNG SẢN CỦA NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

※ 뒤쪽의 유의사항·작성방법을 읽고 작성하시기 바라며, [ ]에는 해당하는 곳에 √표를 합니다.
※ Vui lòng đọc nội dung lưu ý, cách điền đơn ở mặt sau trước khi điền và đánh dấu √ vào [ ] tương ứng.

(앞쪽)
(Mặt trước)

접수번호 Số tiếp nhận	접수일시 Ngày tiếp nhận	처리기간 즉시 Thời gian xử lý Ngay lập tức

신고인 Người khai báo	성명(법인명) Họ tên (tên pháp nhân)	외국인(법인)등록번호 Số đăng ký người nước ngoài (pháp nhân)
	국적 Quốc tịch	①국적 취득일자 ①Ngày nhập quốc tịch
	생년월일(법인 설립일자) Năm, tháng, ngày sinh (ngày thành lập pháp nhân)	(휴대)전화번호 Số điện thoại (di động)
	②주소(법인소재지) ②Địa chỉ(Địa chỉ pháp nhân) (거래지분 : 분의) (Cổ phần giao dịch : phần)	

신고사항 Nội dung khai báo	③취득 원인 ③ Lí do sở hữu		④상세 원인 ④ Lí do chi tiết
	⑤원인 발생일자 ⑤ Ngày phát sinh lí do		⑥취득 가액(원) ⑥ Giá sở hữu (Won)
	⑦종류 ⑦ Loại hình	[ ]토지 [ ]건축물 [ ]토지 및 건축물 [ ]Đất [ ]Công trình xây dựng [ ]Đất và Công trình xây dựng	
		[ ]공급계약 [ ]전매 [ ]Hợp đồng cung cấp [ ]Bán lại	[ ]분양권 [ ]입주권 [ ]Quyền bán [ ]Quyền sử dụng	[ ]준공전 [ ]준공후 [ ]Trước khi hoàn công [ ]Sau khi hoàn công
	⑧소재지 ⑧ Địa chỉ		
	⑨토지 (지목:)/(취득면적: ㎡)/(지분: 분의) ⑨ Đất (Mục đích sử dụng đất:)/(Diện tích sở hữu: ㎡)/(Cổ phần: phần) (대지권비율: 분의) (Tỷ lệ quyền sở hữu đất: phần)		

	⑩건축물 ⑩ Công trình xây dựng (용도:)/(취득면적: ㎡)/(지분: 분의) (Mục đích sử dụng:)/(Diện tích sở hữu: ㎡)/(Cổ phần: phần)
	⑪취득 용도 ⑪ Mục đích sở hữu

「부동산 거래신고 등에 관한 법률」 제8조, 같은 법 시행령 제5조제1항 및 같은 법 시행규칙 제7조 제1항에 따라 위와 같이 신고합니다.

Tôi xin khai báo với các nội dung như trên theo Điều 8 “Luật Đăng ký giao dịch bất động sản”, khoản 1 Điều 5 Nghị định hướng dẫn Luật này và khoản 1 Điều 7 Thông tư hướng dẫn Luật này.

년 월 일
Năm tháng ngày

신고인 (서명 또는 인)
Người khai báo (Kí tên hoặc đóng dấu)

시장・군수・구청장 귀하
Kính gửi **Thị trưởng, Chủ tịch huyện (gun), Chủ tịch quận (gu)**

첨부서류 Hồ sơ đính kèm	뒤쪽 참조 Tham khảo mặt sau	수수료 없음 Không mất phí

210㎜×297㎜[백상지(80g/㎡) 또는 중질지(80g/㎡)]

신고인 제출서류 Hồ sơ người khai báo nộp	부동산등 취득 신고의 경우 Trường hợp khai báo sở hữu bất động sản	다음의 구분에 따른 서류 Thành phần hồ sơ được phân loại như sau: 1. 증여의 경우: 증여계약서 1. Trường hợp cho tặng: Hợp đồng cho tặng 2. 상속의 경우: 상속인임을 증명할 수 있는 서류 2. Trường hợp thừa kế: Giấy tờ chứng minh người thừa kế 3. 경매의 경우: 경락결정서 3. Trường hợp đấu giá: Quyết định đấu giá 4. 환매권 행사의 경우: 환매임을 증명할 수 있는 서류 4. Trường hợp thực hiện quyền mua lại: Giấy tờ chứng minh việc mua lại 5. 법원의 확정판결의 경우: 확정판결문 5. Trường hợp theo quyết định cuối cùng của tòa án: Quyết định cuối cùng 6. 법인의 합병의 경우: 합병사실을 증명할 수 있는 서류 6. Trường hợp sáp nhập pháp nhân: Giấy tờ chứng minh việc sáp nhập
	부동산등 계속보유 신고의 경우 Trường hợp khai báo tiếp tục sở hữu bất động sản	대한민국국민이나 대한민국의 법령에 따라 설립된 법인 또는 단체가 외국인등으로 변경되었음을 증명할 수 있는 서류 Giấy tờ chứng minh công dân Hàn Quốc hoặc pháp nhân, tổ chức được thành lập theo pháp luật Hàn Quốc đã chuyển đổi thành người nước ngoài, v.v.
담당 공무원 확인사항 Nội dung cán bộ phụ trách xác nhận	1. 건축물대장 1. Sổ đăng ký công trình xây dựng 2. 토지등기사항증명서 2. Giấy chứng nhận đăng ký đất đai 3. 건물등기사항증명서 3. Giấy chứng nhận đăng ký công trình xây dựng	

유의사항
Nội dung lưu ý

1. 신고서를 제출할 때에는 여권 등 신고인의 신분을 확인할 수 있는 신분증명서를 제시해야 하고, 전자문서로 신고할 때에는 전자인증의 방법으로 신고인의 신분을 확인하게 됩니다.
1. Khi nộp đơn khai báo, phải xuất trình giấy tờ tuỳ thân như hộ chiếu, v.v. để xác minh danh tính của người khai báo. Khi khai báo dưới dạng tài liệu điện tử, danh tính của người khai báo được xác minh bằng xác thực điện tử.
2. 전자문서로 신고를 할 때에는 증명서류를 첨부해야 하고 첨부가 곤란한 경우에는 그 사본을 우편 또는 팩스로 신고관청에 따로 제출해야 합니다.
2. Khi đăng ký dưới dạng tài liệu điện tử, phải đính kèm các tài liệu chứng minh. Nếu khó đính kèm, phải gửi riêng một bản sao cho cơ quan đăng ký qua đường bưu điện hoặc fax.

* 이 경우 신고확인증은 제출된 서류를 확인한 후 지체 없이 송부합니다.

* Trong trường hợp này, giấy xác nhận khai báo sẽ được gửi ngay sau khi kiểm tra các hồ sơ được nộp.

작성방법
Cách điền đơn

① "국적 취득일자" 란은 토지 계속보유 신고의 경우에는 반드시 적어야 합니다.

① Phải điền vào ô "Ngày nhập quốc tịch" khi khai báo việc tiếp tục sở hữu đất đai.

② "주소" 란의 거래지분에는 공동 취득한 경우의 소유지분을 적습니다.

② Trong phần Cổ phần giao dịch ở ô "Địa chỉ", điền cổ phần sở hữu trong trường hợp mua chung.

③ "취득 원인" 란에는 계약, 계약 외, 계속보유 중에서 하나를 적습니다.

③ Tại ô "Lí do sở hữu", điền một trong các nội dung sau: Hợp đồng, Ngoài hợp đồng, Tiếp tục sở hữu.

④ "상세 원인" 란에는 매매, 교환, 증여, 상속, 경매, 환매권 행사, 법원의 확정판결, 법인의 합병, 신축 등, 국적 변경 중에서 하나를 적습니다.

④ Tại ô "Lí do chi tiết", điền một trong các nội dung sau: Mua bán, Trao đổi, Cho tặng, Thừa kế, Đấu giá, Thực hiện quyền mua lại, Quyết định của tòa án, Sáp nhập pháp nhân, Xây dựng mới, Thay đổi quốc tịch.

⑤ "원인 발생일자" 란에는 계약 체결일, 증여 결정일, 상속일(피상속인의 사망일), 경락결정일, 환매계약일, 확정판결일, 합병일, 사용승인일, 국적변경일 중에서 하나를 적습니다.

⑤ Tại ô "Ngày phát sinh lí do", điền một trong các ngày sau: ngày ký hợp đồng, ngày quyết định cho tặng, ngày thừa kế (ngày mất của người mất), ngày quyết định đấu giá, ngày ký hợp đồng mua lại, ngày ra quyết định cuối cùng của tòa án, ngày sáp nhập, ngày phê duyệt sử dụng, ngày thay đổi quốc tịch.

⑥ 증여, 상속 등에 따라 취득 가액 산출이 곤란한 경우에는 신고 원인 발생 연도의 공시지가 등을 참고하여 적을 수 있으며, 참고할 수 있는 가격이 없는 경우 "취득 가액" 란의 작성을 생략할 수 있습니다.

⑥ Nếu khó tính giá sở hữu do cho tặng, thừa kế, v.v. có thể ghi bằng cách tham khảo giá đất công bố của năm phát sinh lí do khai báo, nếu không có giá nào để tham khảo, có thể bỏ qua ô "Giá sở hữu".

⑦ "종류" 란에는 토지, 건축물 또는 토지 및 건축물(복합부동산의 경우) 해당란에 √표시합니다. 공급계약은 시행사 또는 건축주 등이 최초로 부동산을 공급(분양)하는 계약이고, 전매는 부동산을 취득할 수 있는 권리의 매매를 말하며 이 경우에는 해당란에 √표시를 하고, 세부항목 분양권, 입주권, 준공전, 준공후 각 해당란에도 √표시를 합니다.

⑦ Tại ô "Loại hình", đánh dấu √ vào nội dung tương ứng đối với Đất, Công trình xây dựng hoặc Đất và công trình xây dựng (đối với bất động sản phức hợp). Hợp đồng cung cấp là hợp đồng trong đó bên thực hiện dự án xây dựng hoặc chủ sở hữu tòa nhà cung cấp (bán) bất động sản lần đầu tiên. Bán lại đề cập đến việc mua bán quyền sở hữu bất động sản. Trong trường hợp này, hãy đánh dấu √ vào ô tương ứng và đánh dấu √ vào ô tương ứng các thông tin chi tiết như Quyền bán, Quyền sử dụng, Trước khi hoàn công, Sau khi hoàn công.

⑧ "소재지" 란에는 부동산의 소재지·지번(아파트 등 집합건물인 경우에는 동·호수까지)을 적습니다.

⑧ Tại ô "Địa chỉ", điền địa chỉ, số hiệu của bất động sản (bao gồm cả số nhà, tòa nhà nếu là công trình tập thể như chung cư, v.v.).

⑨ "토지" 란에는 법정 지목, 취득면적을 정확하게 적고, 지분 또는 집합건물 대지권을 취득하는 경우에는 지분 또는 대지권 비율을 적습니다.

⑨ Tại ô "Đất", điền chính xác mục đích sử dụng đất được quy định, diện tích sở hữu; trường hợp mua cổ phần hoặc quyền sở hữu đất đối với một công trình tập thể thì nhập tỷ lệ cổ phần hoặc tỷ lệ quyền sử dụng đất.

⑩ "건축물" 란에는 아파트, 단독주택 등 「건축법 시행령」 별표 1에 따른 용도별 건축물의 종류와 취득면적을 정확하게 적고, 지분을 취득하는 경우에는 지분을 적습니다.

⑩ Tại ô "Công trình xây dựng", điền chính xác loại hình và diện tích sở hữu của công trình theo mục đích sử dụng ở Bảng đính kèm 1 của "Nghị định hướng dẫn Luật Xây dựng" đối với căn hộ chung cư, nhà riêng, v.v. đồng thời điền tỷ lệ cổ phần nếu sở hữu một phần.

⑪ "취득 용도" 란에는 주거용(아파트), 주거용(단독주택), 주거용(그 밖의 주택), 레저용, 상업용, 공장용, 그 밖의 용도 중에서 하나를 적고, 취득 용도가 정해지지 않은 경우에는 현재의 용도를 적습니다.

⑪ Tại ô "Mục đích sở hữu", điền một trong các mục đích sau: Nhà ở (căn hộ), Nhà ở (nhà riêng), Nhà ở (loại hình nhà ở khác), Công trình giải trí, Công trình thương mại, Nhà máy, Mục đích sử dụng khác. Nếu mục đích sở hữu không được xác định, ghi mục đích sử dụng hiện tại.

※ 부동산, 관계 필지 등이 다수인 경우에는 다른 용지에 작성하여 간인 처리한 후 첨부합니다.

※ Nếu có nhiều bất động sản, thửa đất liên quan, v.v. hãy ghi vào một tờ giấy khác, đóng dấu giáp lai và đính kèm.

처리절차
Quy trình xử lý

신고서 작성 Điền đơn khai báo	→	접수 Tiếp nhận	→	신고처리 Xử lý khai báo	→	신고확인증 발급 Cấp giấy xác nhận khai báo
신고인 Người khai báo		처리기관: 시・군・구(부동산・토지거래업무 담당부서) Cơ quan xử lý: Thành phố, huyện (gun), quận (gu) (bộ phận phụ trách giao dịch bất động sản và đất đai)				